CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng

Ngày 30/09/2025	93,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.3%	**27.6%**	**25.9%**

DT thuần
Q3/25
324
tỷ VNĐ
QoQ: ▼103| -24.1%
YoY: ▲ 43.0| 15.4%

LN thuần
Q3/25
36.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼36.2| -49.9%
YoY: ▲ 13.4| 58.2%

LN sau thuế
Q3/25
28.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼30.7| -51.7%
YoY: ▲ 10.8| 60.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
11.7%
YoY: +/-▼ 5.5%

ROE (TTM)
Q3/25
18.6%
YoY: +/-▲ 0.5%

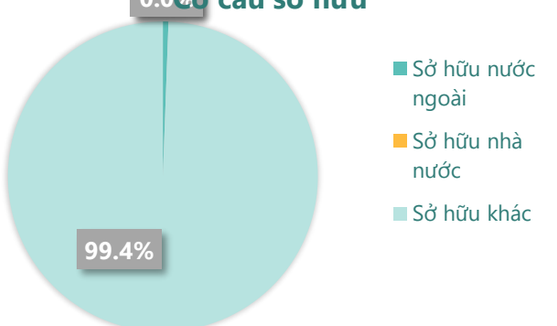
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	65,000 - 109,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,351
Số lượng CPLH (CP)	14,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	35,990
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.76
EPS	9,919
P/E	9.5

DT thuần
9T 2025
1,066
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 253| 31.0%

LN thuần
9T 2025
163
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 79.9| 95.9%

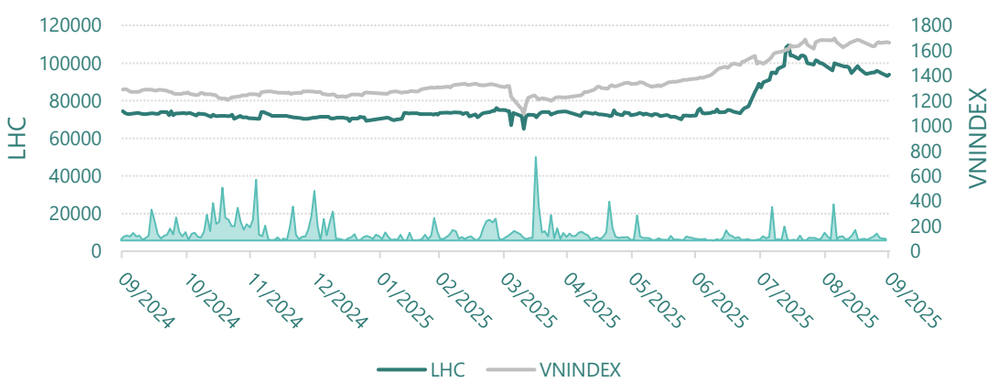
LN sau thuế
9T 2025
133
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 69.9| 111%

Cơ cấu sở hữu

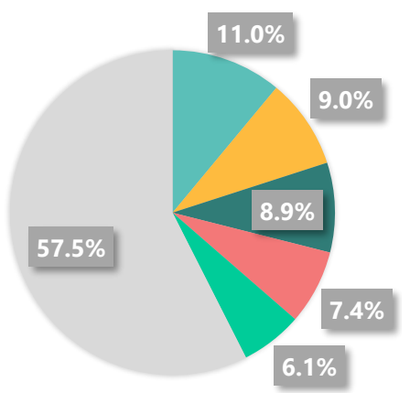


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



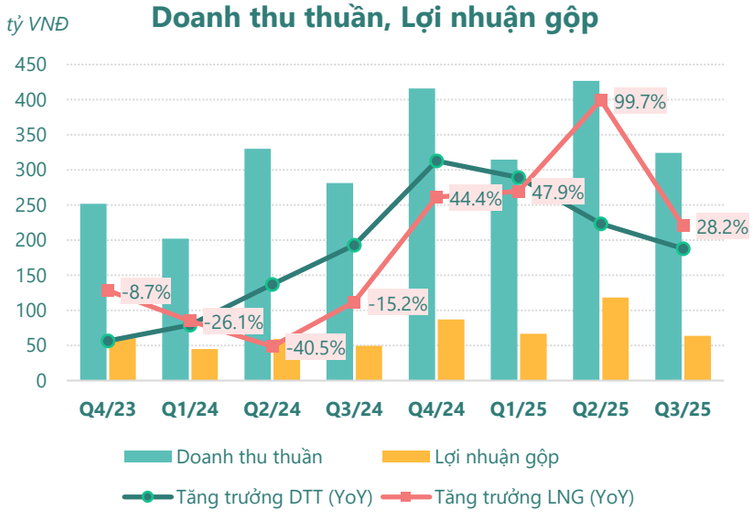
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

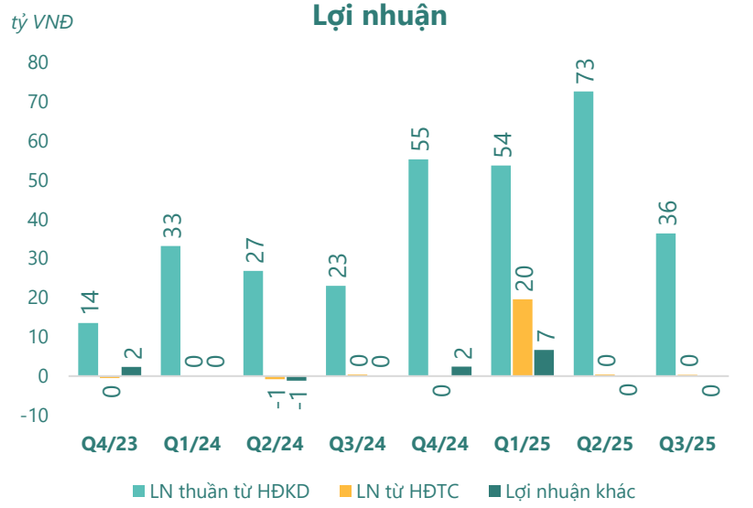
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



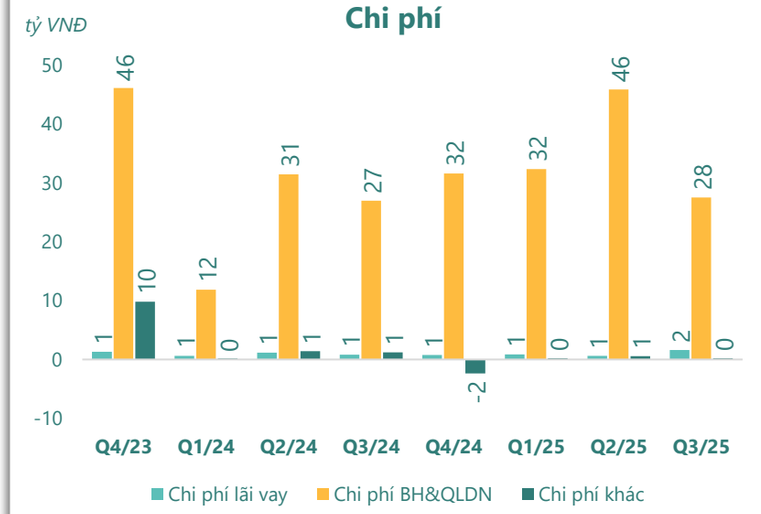
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



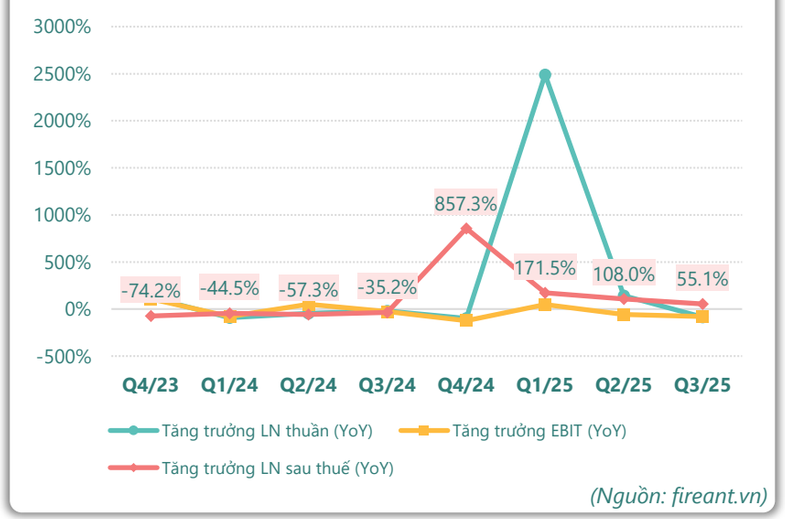
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



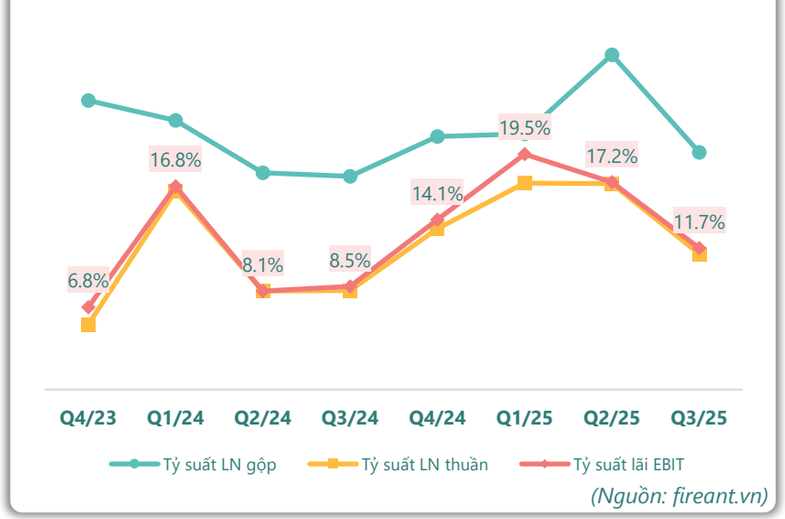
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



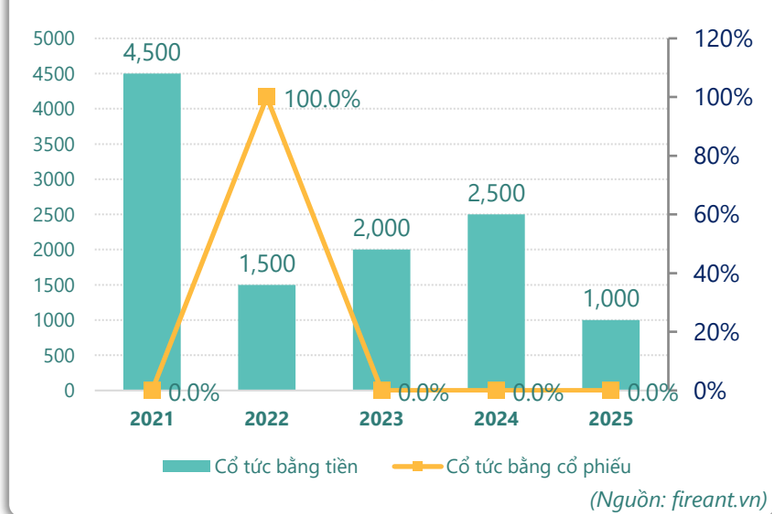
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

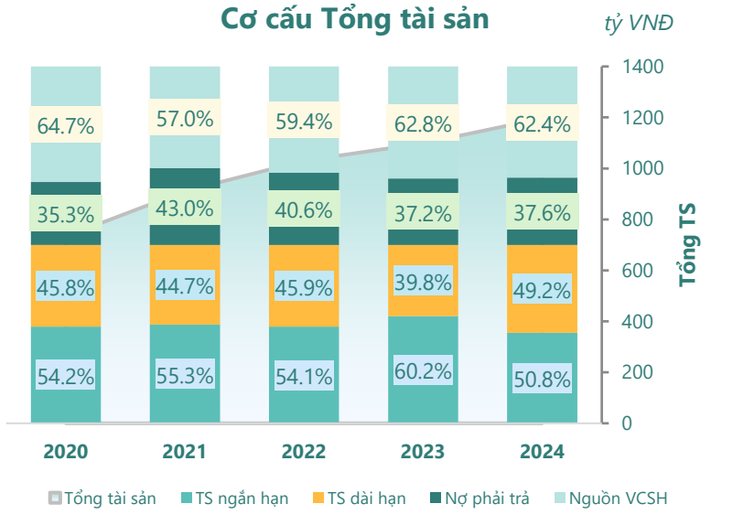
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

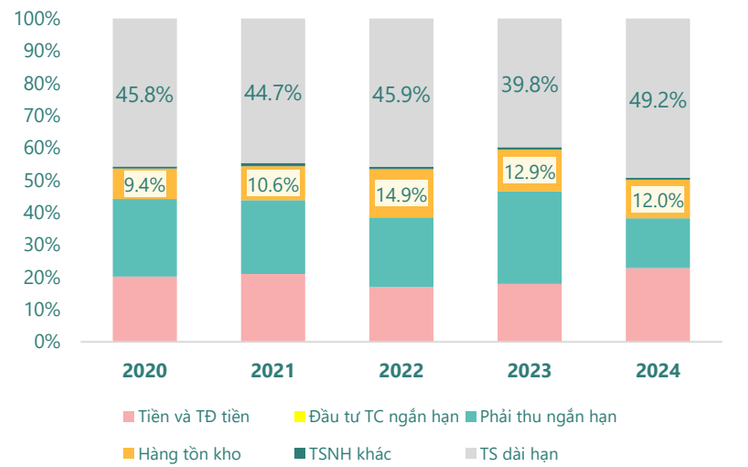
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



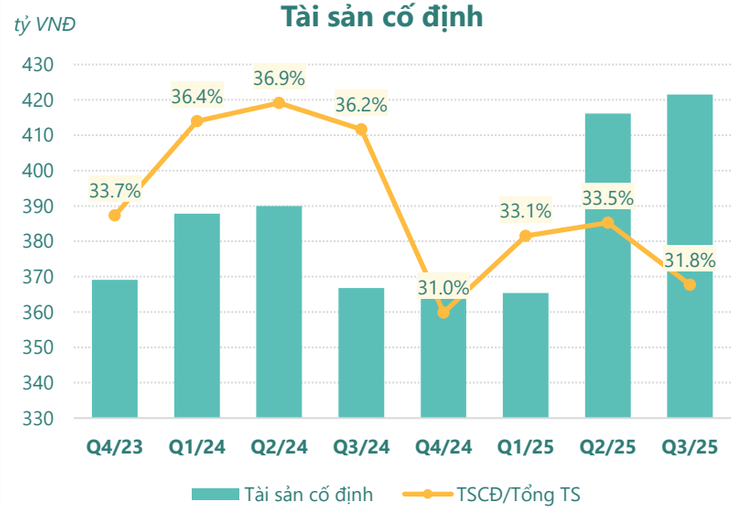
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



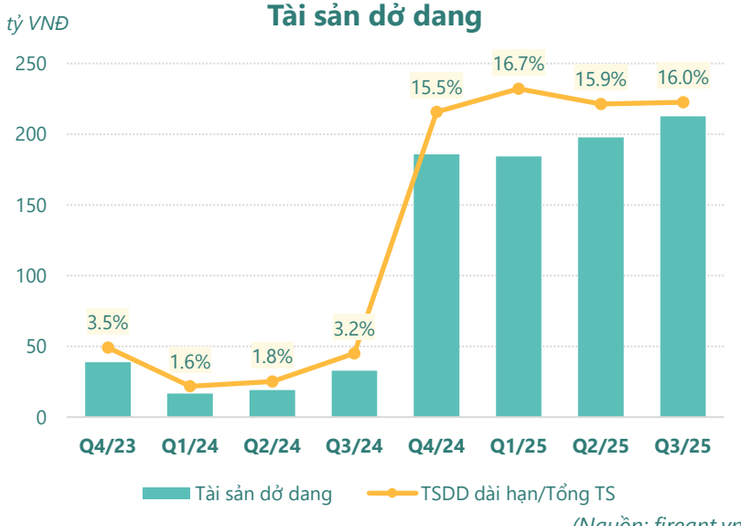
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



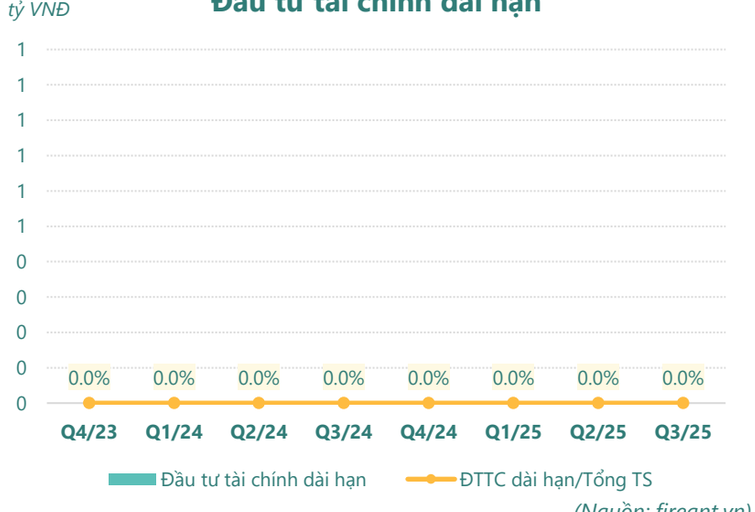
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



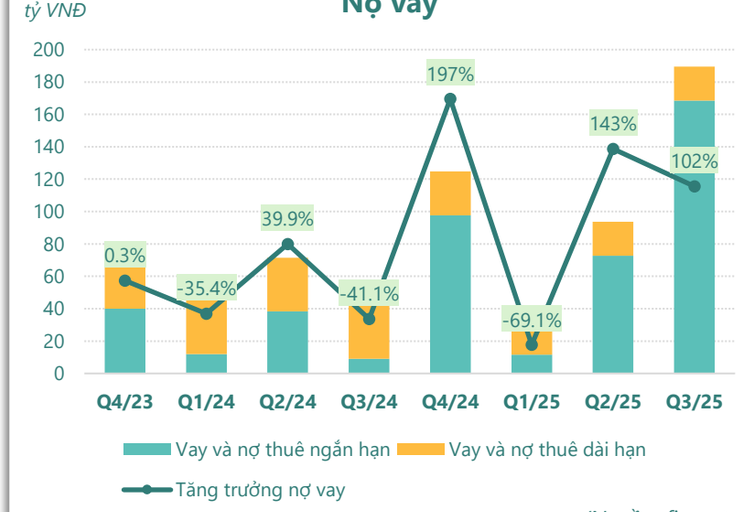
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

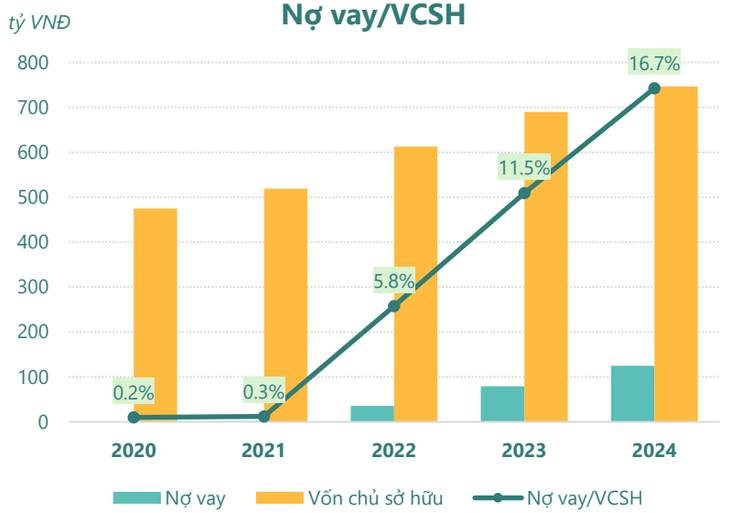
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

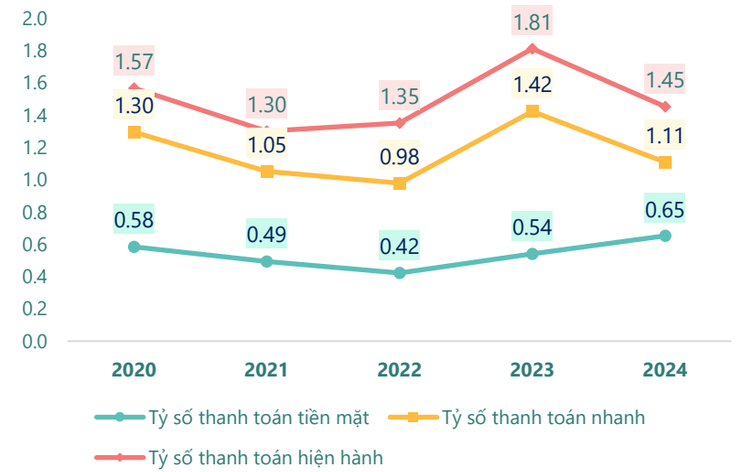
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



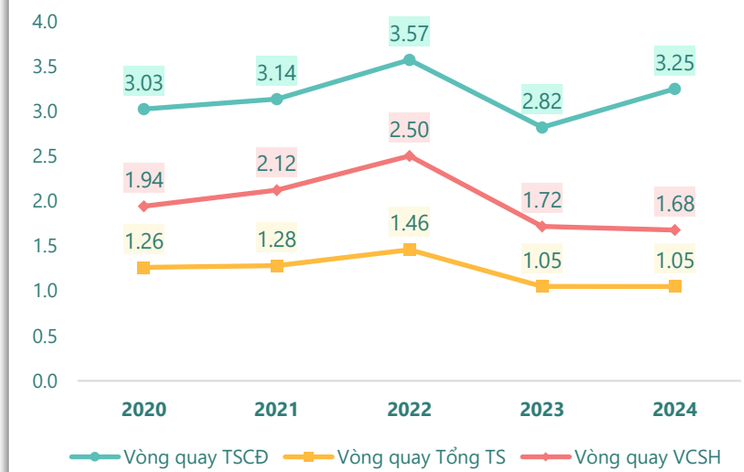
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



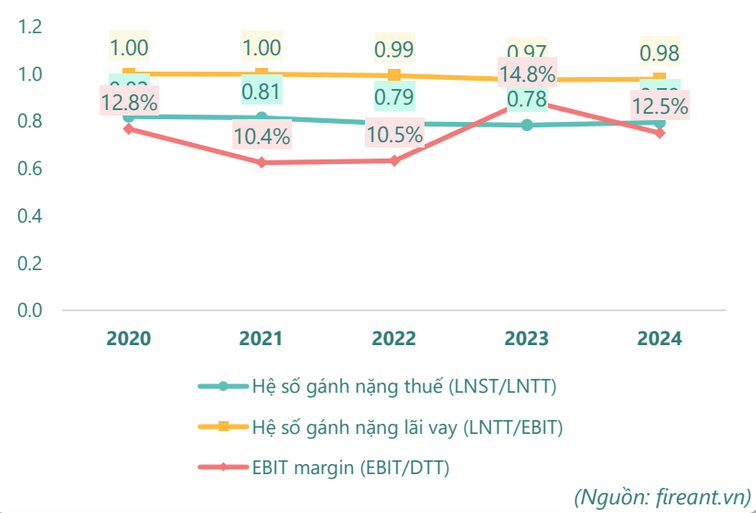
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



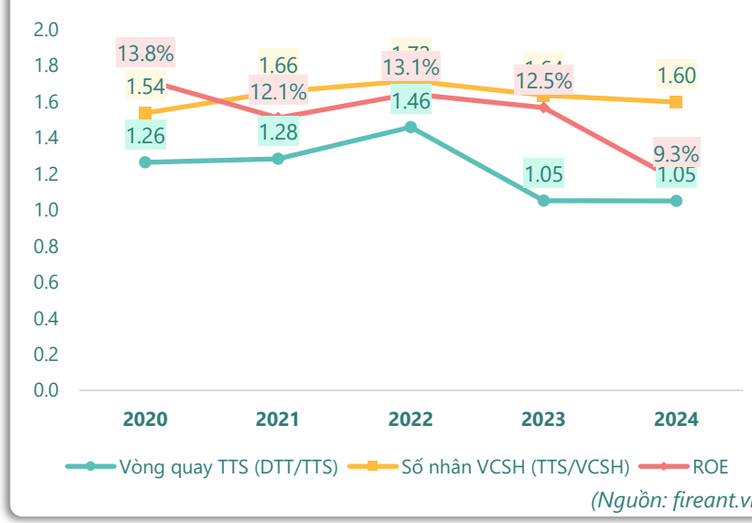
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



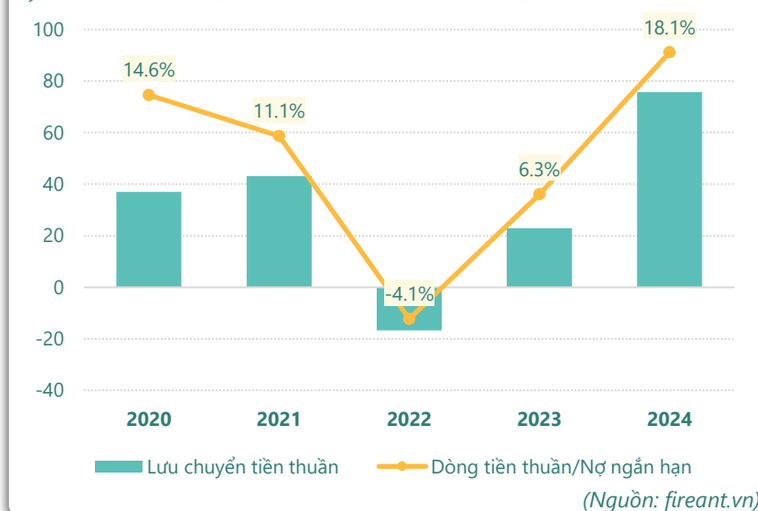
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**324**	**281**	**15.4%**	**1,066**	**813**	**31.0%**
Giá vốn hàng bán	261	232	12.3%	817	660	23.9%
Lợi nhuận gộp	63.6	49.6	28.2%	248	154	61.5%
Doanh thu HĐTC	1.97	1.29	53.1%	23.6	2.61	804%
Chi phí TC	1.63	0.86	89.0%	3.22	2.88	12.0%
Chi phí lãi vay	1.59	0.83	92.1%	3.07	2.62	17.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.87	0.85	2.4%	3.97	4.00	-0.8%
Chi phí QLDN	**26.7**	**26.1**	**2.3%**	**102**	**66.4**	**53.6%**
LN thuần từ HĐKD	36.4	23.0	58.2%	163	83.1	95.9%
Lợi nhuận khác	**-0.05**	**0.14**	**-137%**	**6.58**	**-0.90**	**834%**
LN trước thuế	36.3	23.2	56.6%	169	82.2	106%
Lợi nhuận sau thuế	**28.6**	**17.8**	**60.9%**	**133**	**63.1**	**111%**
LNST của CĐ cty mẹ	**18.0**	**11.5**	**56.6%**	**122**	**39.0**	**214%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	23.4	41.7	181	-63.3	88.7	-0.48
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-24.8	-17.2	-68.2	62.6	-82.3	-42.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.76	-50.2	68.6	-86.1	37.1	95.8
Tiền đầu kỳ	123	117	91.3	273	186	230
Lưu chuyển tiền thuần	**-6.11**	**-25.6**	**182**	**-86.8**	**43.5**	**52.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.03	0.03	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	117	91.3	273	186	230	282

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,327**	**1,197**	**10.9%**
Tài sản ngắn hạn	661	608	8.8%
Tiền và tương đương tiền	282	273	3.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	228	184	24.3%
Hàng tồn kho	143	144	-0.7%
Tài sản ngắn hạn khác	7.46	7.01	6.4%
Tài sản dài hạn	**666**	**589**	**13.0%**
Phải thu dài hạn	3.21	3.20	0.2%
Tài sản cố định	421	372	13.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	213	185	15.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**28.4**	**29.1**	**-2.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	503	450	11.6%
Nợ ngắn hạn	**479**	**418**	**14.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	169	97.7	72.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	39.3	91.7	-57.1%
Nợ dài hạn	23.4	32.3	-27.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	21.0	27.0	-22.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**824**	**746**	**10.4%**
Vốn chủ sở hữu	**824**	**746**	**10.4%**
Vốn điều lệ	144	144	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)